

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HIỆP HÒA
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2022/HNGĐ-ST

Ngày 05 tháng 5 năm 2022

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Thanh Thuận

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Ngọc Trứ

2. Ông Đỗ Văn Bộ

- Thư ký phiên tòa: Ông Đoàn Thanh Hiệp- Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa tham gia phiên tòa:

Ông Lê Đình Duy- Kiểm sát viên.

Trong ngày 05/5/2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 34/2022/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2022 về việc “ Tranh chấp về hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 04 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Hoàng Đức M, sinh năm 1975 (Có mặt)

Bị đơn: Chị Ngô Thị TH, sinh năm 1976 (Có mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn S Trung, xã Hòa S, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 11/02/2022, những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là anh M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Ngô Thị TH tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 09/6/1995 tại UBND xã Hòa S, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn chị TH về sống chung cùng anh ngay. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, sau đó đến tháng 6/2010 phát sinh mâu thuẫn do không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, đến năm 2012 anh đã làm đơn xin ly hôn chị Ngô Thị TH đã được Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa giải quyết. Tại bản án số 40/2012/HNGĐ-ST ngày 20/11/2012 Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa đã bác đơn xin ly hôn của anh, do không đồng tình với bản án anh có làm đơn kháng cáo, tại bản án cấp phúc thẩm số 11/2013/HNGĐ-PT ngày 15/3/2013 đã xét xử giữ nguyên bản án cấp sơ thẩm bác yêu cầu ly hôn. Tuy nhiên sau khi bản án có hiệu lực thì vợ chồng anh cũng không về đoàn tụ vợ chồng được và vợ chồng sống ly thân từ năm 2012 cho đến nay và không còn quan tâm đến nhau, từ năm 2019 thì chị TH đã chuyển ra ngoài sinh sống. Anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh xin ly hôn với chị Ngô Thị TH.

Về con chung: Anh và chị TH có 03 con chung là cháu Hoàng Văn Thông, sinh ngày 02/02/1996, cháu Hoàng Thanh Trí, sinh ngày 27/8/2003 và cháu

Hoàng Thị Thanh Hương, sinh ngày 06/9/2007. Cháu Thông và cháu Trí đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết. Cháu Hoàng Thị Thanh Hương hiện nay đang sinh sống cùng anh, ly hôn anh có nguyện vọng nuôi cháu Hương và không yêu cầu chị TH phải cấp dưỡng nuôi con cùng.

- Về tài sản chung: Anh xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về công nợ chung: Anh xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về ruộng đất, công sức: Anh xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn chị Ngô Thị TH tại biên bản ghi lời khai; biên bản hòa giải và tại phiên tòa chị TH trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Hoàng Đức M có tự nguyện tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 09/6/1995 tại UBND xã Hòa S, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn chị về làm dâu và sống chung cùng anh M và gia đình ngay. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, đến năm 2009 thì vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh M có quan hệ ngoại tình ở bên ngoài. Đến năm 2012 thì anh M có làm đơn xin ly hôn Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa; Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đã bác yêu cầu ly hôn của anh M với chị. Tuy nhiên vợ chồng chị cũng không về đoàn tụ với nhau được, vợ chồng sống ly thân kể từ năm 2012 cho đến nay, và không còn quan tâm đến nhau, đến năm 2019 thì chị đã chuyển ra ngoài sinh sống, chị xác định đã nhiều lần nói chuyện với anh M để vợ chồng về đoàn tụ nhưng anh M không đồng ý. Chị xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, anh M có đơn xin ly hôn thì chị không đồng ý, trường hợp anh M kiên quyết ly hôn thì chị cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh M. Tại phiên tòa chị xác định vợ chồng không có mâu thuẫn gì, vợ chồng sống ly thân từ năm 2013 cho đến nay, chị xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, anh M xin ly hôn chị không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Chị và anh M có 03 con chung là cháu Hoàng Văn Thông, sinh ngày 02/02/1996, cháu Hoàng Thanh Trí, sinh ngày 27/8/2003 và cháu Hoàng Thị Thanh Hương, sinh ngày 06/9/2007. Cháu Thông và cháu Trí đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết. Cháu Hoàng Thị Thanh Hương hiện nay đang sinh sống cùng anh M. Nếu phải ly hôn chị đề nghị Tòa án xem xét đến nguyện vọng của cháu.

- Về tài sản chung: Chị xác định, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về công nợ chung: Chị xác định, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về ruộng đất, công sức: Chị xác định, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản xác M đối với bà Đặng Thị Huyền là mẹ đẻ của anh M (BL 45;46 và xác M tại địa phương (BL 47) đều thể hiện vợ chồng anh M và chị TH đã phát sinh mâu thuẫn vợ chồng và sống ly thân với nhau từ năm 2013 cho đến nay, vợ chồng hay xảy ra xung đột, mâu thuẫn, cãi nhau và đề nghị Tòa án giải quyết để anh M và chị TH được ly hôn.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án.

- Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, 53; 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH xử.

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của anh M ly hôn chị TH.

Về con chung: Chấp nhận yêu cầu của ông M, giao cháu Hoàng Thị Thanh Hường cho anh M nuôi dưỡng. Chị TH không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, công nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Anh M phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]- Về quan hệ tình cảm: Anh Hoàng Đức M và chị Ngô Thị TH tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 09/6/1995 tại UBND xã Hòa S, huyện Hiệp Hòa. Hôn nhân tự nguyện, không vi phạm các điều kiện cấm kết hôn, là hôn nhân hợp pháp (Theo Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình). Theo lời trình bày của các đương sự thì xác định được trong quá trình chung sống, vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn do không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, hay cãi nhau. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2013 cho đến nay, không còn chung sống với nhau. Anh M yêu cầu ly hôn, chị TH không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh M, qua xác M tại địa phương và gia đình anh M thể hiện vợ chồng có mâu thuẫn, hay xung đột, cãi nhau. Hội đồng xét xử xét thấy, vợ chồng anh M và chị TH đã sống ly thân trong một thời gian dài từ năm 2013 cho đến nay, không còn quan tâm đến nhau, bản thân chị TH cũng không có biện pháp gì để vợ chồng về đoàn tụ, chị cũng xác định trường hợp anh M kiên quyết ly hôn thì chị cũng đồng ý ly hôn, chứng tỏ tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận yêu cầu của anh M về việc xin ly hôn chị Ngô Thị TH là phù hợp theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2]- Về con chung: Cả anh M và chị TH đều xác định vợ chồng 03 con chung là cháu Hoàng Văn Thông, sinh ngày 02/02/1996, cháu Hoàng Thanh Trí, sinh ngày 27/8/2003 và cháu Hoàng Thị Thanh Hường, sinh ngày 06/9/2007. Cháu Thông và cháu Trí đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết. Riêng đối với cháu Hường hiện đang sinh sống cùng anh M, cháu khỏe mạnh phát triển bình thường, được đi học đầy đủ, cháu có nguyện vọng xin được ở với bố, chị TH đề nghị xem xét theo nguyện vọng của cháu Hường, nên cần giao con chung Hoàng Thị Thanh Hường cho anh M nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại các Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[3]- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Cả anh M và chị TH xác định không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[4]- Về án phí: anh Hoàng Đức M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án Xứ:

1, Về quan hệ tình cảm: Anh Hoàng Đức M được ly hôn chị Ngô Thị TH.

2, Về con chung: Giao cho anh Hoàng Đức M được nuôi dưỡng con chung là Hoàng Thị Thanh Hường, sinh ngày 06/9/2007.

Về cấp dưỡng nuôi con các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con sau khi ly hôn không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Anh Hoàng Đức M phải chịu 300.000 đồng án phí DSST. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0007866 ngày 25/02/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt, hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Hiệp Hòa;
- CCTHADS huyện Hiệp Hòa;
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- Các đương sự;
- UBND xã Hòa S, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang;
- Lưu Hồ sơ, Văn phòng.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Ngô Thanh Thuần

